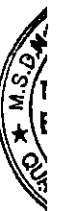


Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Thành viên	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 49

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10.

Trước đây, Công ty là một công ty liên doanh với tên gọi Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Bảo Minh CMG ("Công ty liên doanh") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2134/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép kinh doanh bảo hiểm số 14 TC/GCN do Bộ Tài chính ("BTC") cấp ngày 26 tháng 7 năm 1999. Vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, Công ty nhận được Giấy phép sửa đổi số 14/GPDC10/KDBH của Bộ Tài chính chấp thuận việc thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam thuộc sở hữu 100% của The Dai-ichi Mutual Life Insurance Company, và hiện tại thuộc sở hữu của Dai-ichi Life Holding Inc., với thời hạn hoạt động 30 năm kể từ ngày hiệu lực của Giấy phép Đầu tư lần đầu. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 14/GPDC28/KDBH cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, sản phẩm bảo hiểm hưu trí, sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Dai-ichi Life, số 149-151 đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Takashi Fujii	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2016 (*)
Ông Shigeo Tsuyuki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2018 (**)
Ông Masao Taketomi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Đình Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016 (***)
Ông Huỳnh Hữu Khang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Yotaro Numata	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016
Ông Yoshihito Takahama	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Masamitsu Nambu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Akihiko Tanaka	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017

(*) Ông Takashi Fujii là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 18 tháng 2 năm 2007.

Ông Takashi Fujii là Chủ tịch của Hội đồng Thành viên từ ngày 5 tháng 2 năm 2010.

(**) Ông Shigeo Tsuyuki là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

(***) Ông Trần Đình Quân là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Trần Đình Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Yotaro Numata	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Huỳnh Hữu Khang	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Chuyên gia tính toán được chỉ định	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Vũ Hoàng Tân	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Văn Thilen Hải	Phó Tổng Giám đốc Nghiệp vụ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Trần Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc Pháp lý, Pháp chế và Đối ngoại	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2017
Ông Đào Quốc Trung	Phó Tổng giám đốc Kinh doanh – Kênh phân phối Bưu điện	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc Phát triển Kinh doanh	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Fusakazu Kondo	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đình Quân, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

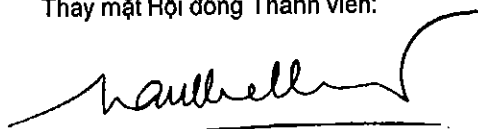
Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết với Hội đồng Thành viên rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng kèm theo.

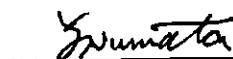
CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Hội đồng Thành viên:



Ông Takashi Fujii
Chủ tịch



Ông Yotaro Numata
Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Reference: 60752779/19305063

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Suman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Trần Đăng Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3222-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DNNT

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.940.047.897.671	3.338.188.608.237
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.068.658.099.233	1.808.956.894.984
111	1. Tiền		334.908.099.233	563.156.894.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.733.750.000.000	1.245.800.000.000
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	1.802.091.150.034	896.238.302.153
121	1. Chứng khoán kinh doanh		95.093.557.250	54.536.467.050
123	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.706.997.592.784	841.701.835.103
130	III. Các khoản phải thu		1.056.348.350.161	625.944.304.083
131	1. Phải thu của khách hàng	6	1.001.184.639.967	597.162.285.429
131.1	1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		414.996.976.138	228.682.561.948
131.2	1.2 Phải thu khác của khách hàng		586.187.663.829	368.479.723.481
132	2. Trả trước cho nhà cung cấp		33.532.424.050	8.776.915.878
136	3. Phải thu khác		22.494.731.538	20.676.454.441
137	4. Dự phòng phải thu khó đòi	7	(863.445.394)	(671.351.665)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.950.298.243	7.049.107.017
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.892.298.243	7.049.107.017
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	58.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.697.695.888.903	7.456.466.971.233
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.712.873.700	33.720.693.182
218	1. Phải thu dài hạn khác		37.712.873.700	33.720.693.182
218.1	1.1 Ký quỹ bảo hiểm		20.000.000.000	20.000.000.000
218.2	1.2 Phải thu dài hạn khác		17.712.873.700	13.720.693.182
220	II. Tài sản cố định		49.442.562.146	43.166.299.506
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	29.043.038.130	25.866.493.074
222	Nguyên giá		85.243.251.861	72.847.536.071
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(56.200.213.731)	(46.981.042.997)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	20.399.524.016	17.299.806.432
228	Nguyên giá		102.592.605.251	97.773.050.374
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(82.193.081.235)	(80.473.243.942)
240	III. Xây dựng cơ bản dở dang		6.440.627.000	4.062.960.000
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang	10	6.440.627.000	4.062.960.000
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn	11	10.433.604.738.166	7.081.309.065.341
251	1. Đầu tư vào công ty con		25.000.000.000	25.000.000.000
255	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.408.604.738.166	7.030.809.065.341
258	3. Các khoản đầu tư dài hạn khác		-	25.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.170.495.087.891	294.207.953.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.037.031.566.973	272.571.775.564
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.3	133.463.520.918	21.636.177.640
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.637.743.786.574	10.794.655.579.470

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (lập theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DNNT

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		11.889.982.394.914	7.879.451.567.500
310	I. Nợ ngắn hạn		1.742.490.816.207	1.049.377.063.145
312	1. Phải trả người bán	13	1.336.487.399.460	739.637.292.118
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		1.231.626.964.320	656.230.385.917
312.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		104.860.435.140	83.406.906.201
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	26.036.516.879	35.037.586.012
315	3. Phải trả cho người lao động		2.977.362.444	364.344.979
316	4. Chi phí phải trả	15	300.204.600.775	218.856.467.589
319	5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác		28.521.393.469	14.193.412.801
319.1	6. Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		48.263.543.180	41.287.959.646
330	III. Nợ dài hạn		10.147.491.578.707	6.830.074.504.355
333	1. Phải trả dài hạn khác		5.121.003.953	5.579.829.336
344	2. Dự phòng nghiệp vụ	16	10.142.370.574.754	6.824.494.675.019
344.1	2.1 Dự phòng toán học		9.640.260.710.258	6.462.854.021.992
344.2	2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng		249.546.553.862	153.808.974.127
344.3	2.3 Dự phòng bồi thường		73.379.753.753	38.355.533.919
344.4	2.4 Dự phòng chia lãi		166.778.992.900	157.071.581.000
344.5	2.5 Dự phòng đảm bảo cân đối		12.404.563.981	12.404.563.981
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	5.747.761.391.660	2.915.204.011.970
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu		5.747.761.391.660	2.915.204.011.970
411	1. Vốn điều lệ đã góp		5.407.510.287.380	2.153.185.287.380
419	2. Quỹ dự trữ bắt buộc		48.288.871.907	48.288.871.907
421	3. Lợi nhuận lũy kế		291.962.232.373	713.729.852.683
421a	3.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		713.729.852.683	618.330.612.047
421b	3.2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(421.767.620.310)	95.399.240.636
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.637.743.786.574	10.794.655.579.470

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Cam kết thuê hoạt động (VND)	29	44.178.526.741	17.111.419
2. Ngoại tệ (Đô la Mỹ)			

Bà Mai Thị Huyền
Kế toán trưởng

Ông Vũ Hoàng Tân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Ông Trần Đình Quân
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Phần 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-DNNT

VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	7.713.806.893.861	5.150.573.560.144
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	890.793.929.827	708.966.139.657
13	3. Thu nhập khác	5.235.083.247	4.154.647.086
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(7.058.032.992.227)	(4.268.412.548.755)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(14.402.613.585)	(12.117.020.066)
23	6. Chi phí bán hàng	(1.644.517.105.317)	(1.115.040.268.058)
24	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(422.954.168.894)	(342.054.335.562)
25	8. Chi phí khác	(967.423.866)	(569.215.566)
50	9. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(531.038.396.954)	125.500.958.880
51	10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(2.556.566.634)	(40.106.785.216)
52	11. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	111.827.343.278	15.026.079.637
60	12. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(421.767.620.310)	100.420.253.301

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
 Phần 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-DNNT

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm		7.956.837.559.693	5.238.218.365.742
	Trong đó:			
01.1	Phí bảo hiểm gốc	18	8.052.575.139.428	5.301.855.296.286
01.3	Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16	(95.737.579.735)	(63.636.930.544)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm	19	(377.908.792.617)	(94.621.187.450)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần		7.578.928.767.076	5.143.597.178.292
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		134.878.126.785	6.976.381.852
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		133.910.391.352	6.760.261.652
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		967.735.433	216.120.200
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		7.713.806.893.861	5.150.573.560.144
11	6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	20	(835.067.985.916)	(585.026.337.513)
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	20	110.278.354.377	27.224.448.302
13	8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	20	(3.222.138.320.000)	(1.895.721.564.312)
15	9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	20	(3.946.927.951.539)	(2.453.523.455.523)
16	10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(3.111.105.040.688)	(1.814.889.093.232)
16.1	Chi hoa hồng bảo hiểm		(1.367.467.743.442)	(825.753.297.549)
16.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	21	(1.743.637.297.246)	(989.135.795.683)
17	11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(7.058.032.992.227)	(4.268.412.548.755)
18	12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		655.773.901.634	882.161.011.389
22	13. Doanh thu hoạt động tài chính	22	890.793.929.827	708.966.139.657
23	14. Chi phí hoạt động tài chính	23	(14.402.613.585)	(12.117.020.066)
24	15. Lợi nhuận hoạt động tài chính		876.391.316.242	696.849.119.591

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo) B02-DNNT
Phần 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
25	16. Chi phí bán hàng	24	(1.644.517.105.317)	(1.115.040.268.058)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(422.954.168.894)	(342.054.335.562)
30	18. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(535.306.056.335)	121.915.527.360
31	19. Thu nhập khác		5.235.083.247	4.154.647.086
32	20. Chi phí khác		(967.423.866)	(569.215.566)
40	21. Lợi nhuận khác	26	4.267.659.381	3.585.431.520
50	22. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(531.038.396.954)	125.500.958.880
51	23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.2	(2.556.566.634)	(40.106.785.216)
52	24. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.3	111.827.343.278	15.026.079.637
60	25. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(421.767.620.310)	100.420.253.301

[Signature]
 Bà Mai Thị Huyền Trang
 Kế toán trưởng

[Signature]
 Ông Vũ Hoàng Tân
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính



[Signature]
 Ông Phan Đình Quân
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DNNT

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(531.038.396.954)	125.600.958.880
01	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8,9	18.008.914.739	21.371.937.520
03	Các khoản dự phòng		3.291.724.341.334	1.955.843.307.072
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(695.285)	(116.210.538)
05	Thu nhập từ hoạt động đầu tư		(850.230.217.910)	(694.978.985.344)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.928.463.945.924	1.407.621.007.590
09	Tăng các khoản phải thu		(231.298.525.389)	(77.244.869.347)
11	Tăng các khoản phải trả		708.372.190.964	410.626.092.751
12	Tăng các khoản chi phí trả trước		(1.763.055.810.357)	(85.286.586.226)
13	(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(6.613.533.943)	2.241.511.166
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(23.225.184.846)	(27.581.334.175)
17	Tiền chi khác hoạt động kinh doanh	17	-	(9.750.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		612.643.282.353	1.620.625.821.759
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(29.836.725.444)	(19.477.562.793)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		101.596.654	114.422.325
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.003.957.365.331)	(2.758.914.975.044)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		761.277.000.000	714.578.250.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		665.148.532.708	547.884.387.132
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.607.266.961.413)	(1.515.815.478.380)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp	17	3.254.325.000.000	675.535.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.254.325.000.000	675.535.000.000

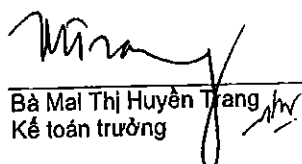
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DNNT

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		259.701.320.940	780.345.343.379
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	1.808.956.894.984	1.028.496.017.050
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(116.691)	115.534.555
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	2.068.658.099.233	1.808.956.894.984


Bà Mai Thị Huyền Trang
Kế toán trưởng


Ông Vũ Hoàng Tân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Ông Trần Đình Quân
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-DNNT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10.

Trước đây, Công ty là một công ty liên doanh với tên gọi Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Bảo Minh CMG ("Công ty liên doanh") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2134/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép kinh doanh bảo hiểm số 14 TC/GCN do Bộ Tài chính ("BTC") cấp ngày 26 tháng 7 năm 1999. Vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, Công ty nhận được Giấy phép sửa đổi số 14/GPDC10/KDBH của Bộ Tài chính chấp thuận việc thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam thuộc sở hữu 100% của The Dai-ichi Mutual Life Insurance Company, và hiện tại thuộc sở hữu của Dai-ichi Life Holding Inc., với thời hạn hoạt động 30 năm kể từ ngày hiệu lực của Giấy phép Đầu tư lần đầu. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 14/GPDC28/KDBH cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, sản phẩm bảo hiểm hưu trí, sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và các hoạt động đầu tư khác theo quy định hiện hành.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Dai-ichi Life, số 149-151 đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.207 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 926 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty là chủ sở hữu duy nhất của một (1) công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty con").

Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty con bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính Công ty con là thành lập, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (liếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ("Thông tư 199"), Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do BTC ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 166/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty đã lập và phát hành báo cáo tài chính riêng cho mục đích báo cáo cho các cơ quan nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Chi phí xây dựng văn phòng	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn và có thể sử dụng nhiều hơn một (1) năm;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

3.8 Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ (Tạm ứng từ giá trị giải ước)

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ hai mươi bốn (24) tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong phần "Các khoản đầu tư ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán riêng. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Công ty thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng cho vay này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

3.9.1 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9.2 Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đáo hạn trong vòng mười hai (12) tháng hoặc dự định nắm giữ dưới một (1) năm; và đầu tư dài hạn bao gồm các khoản trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác dự định nắm giữ trên một (1) năm.

Ngoại trừ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và quỹ bảo hiểm liên kết đơn vị, tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm mua, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được tiếp tục ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng. Lãi của khoản đầu tư được ghi nhận theo lãi suất danh nghĩa.

Các khoản đầu tư của quỹ bảo hiểm liên kết đơn vị được đánh giá ở giá trị hợp lý vào mỗi tuần và lãi lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9.3 Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228 và Thông tư số 89. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn mười hai (12) tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu (6) tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 *Dự phòng nghiệp vụ*

Các khoản dự phòng nghiệp vụ của hợp đồng bảo hiểm cho các sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng ("UPR"), dự phòng bồi thường, dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận ("IBNR"), dự phòng chia lãi và dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập phù hợp với các nguyên tắc tính toán bảo hiểm được chấp nhận chung và các quy định cụ thể trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 50") và Công văn số 375/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 1 năm 2018 ("Công văn 375"). Phương pháp tính dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm như sau:

- ▶ *Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các sản phẩm có áp dụng với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- ▶ *Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính riêng và được tính toán cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ *Dự phòng bồi thường* cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết.
- ▶ *Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo* ("IBNR") bao gồm dự phòng dựa trên các chi phí ước tính để đáp ứng các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại cuối kỳ kế toán.
- ▶ *Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho tổng giá trị khoản lãi công bố chia cho khách hàng trong năm và tổng giá trị tích lũy của khoản lãi đã công bố chia cho chủ hợp đồng trong năm trước nhưng chưa chi trả.
- ▶ *Dự phòng bảo đảm cân đối* được trích lập bằng một (1) phần trăm của lợi nhuận trước thuế và tối đa là năm (5) phần trăm của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

Theo Thông tư số 52/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư 50, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung như sau:

- ▶ Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung.
- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung. Dự phòng này dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.
- ▶ Dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng: là khoản dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng được kỳ vọng sẽ thanh toán cho các hợp đồng bảo hiểm.

Theo Quyết định số 135/2012/QĐ-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2012 và Thông tư 50, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị như sau:

- ▶ Dự phòng cho quỹ bảo hiểm liên kết đơn vị được tính bằng tổng số các đơn vị đầu tư của chủ hợp đồng tại ngày định giá nhân với giá mua của đơn vị quỹ. Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng không bao gồm khoản thưởng duy trì hợp đồng được tách riêng để tính dự phòng.
- ▶ Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng: là khoản dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng được kỳ vọng sẽ thanh toán cho các hợp đồng bảo hiểm.

Theo Thông tư số 115/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2013 và Thông tư 50, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- ▶ Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí: là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.
- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm: là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- ▶ Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung. Dự phòng này dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính riêng là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Công ty đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Công ty có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Quỹ dự trữ bắt buộc*

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ dựa theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 ban hành bởi Chính phủ ("Nghị định 73").

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định đối tác thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để góp vốn hoặc nhận vốn; và
- ▶ Các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo thu nhập riêng.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu, không bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được xác định phù hợp với Thông tư 50 về việc cung cấp các hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi đạt được các điều kiện sau:

- ▶ Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa người bảo hiểm và người được bảo hiểm; và
- ▶ Người được bảo hiểm đã thanh toán phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với Công ty về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận được trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán năm được ghi nhận là "Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán riêng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng với lãi suất hiệu dụng của các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Công ty mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Công ty phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Công ty. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.16 Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn

Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo điều khoản của hợp đồng bảo hiểm được xác lập.

3.17 Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 50.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải trả cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được hoàn lại từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả và dự phòng nghiệp vụ.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	93.979.516.195	87.374.683.223
Tiền gửi ngân hàng	179.498.375.616	475.782.211.761
- Tiền gửi thanh toán bằng đồng Việt Nam	178.729.252.615	87.010.768.219
- Tiền gửi thanh toán bằng đô la Mỹ	769.123.001	388.771.443.542
Tiền đang chuyển	61.430.207.422	-
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	1.733.750.000.000	1.245.800.000.000
	2.068.658.099.233	1.808.956.894.984

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	95.093.557.250	54.536.467.050
Đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết - VND	95.093.557.250	54.536.467.050
Trong đó:		
VCB	7.710.600.000	6.698.277.500
VNM	11.681.600.000	8.478.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.706.997.592.784	841.701.835.103
Tiền gửi ngân hàng bằng VND (*)	1.045.980.000.000	480.777.000.000
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn - VND	353.696.953.166	109.523.500.795
Trái phiếu doanh nghiệp	50.000.000.000	-
Trái phiếu chính phủ	303.696.953.166	109.523.500.795
Tạm ứng từ giá trị giải ước	188.412.792.546	150.396.830.249
Vay tự động từ giá trị giải ước	118.907.847.072	101.004.504.059
	1.802.091.150.034	896.238.302.153

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm với lãi suất từ 5,4% đến 7%/năm.

6. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	414.996.976.138	228.682.561.948
Phải thu khác của khách hàng	586.187.663.829	368.479.723.481
Lãi phải thu từ các khoản đầu tư	485.724.542.283	310.676.953.564
Lãi từ cho vay theo hợp đồng	41.033.537.055	36.192.047.600
Phải thu từ hoạt động đầu tư vào quỹ thành viên	36.736.576.314	-
Lãi từ cho vay phi tự động	21.524.152.500	19.699.913.195
Phải thu khác từ hoạt động tài chính	717.790.377	1.556.255.022
Phải thu khác	451.065.300	354.554.100
	1.001.184.639.967	597.162.285.429

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm các khoản phải thu phí bảo hiểm của đại lý.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	<i>Chi phí xây dựng văn phòng</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	9.402.203.722	5.385.622.140	58.059.710.209	72.847.536.071
Mua trong năm	2.226.910.603	-	7.347.838.845	9.574.749.448
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	4.062.960.000	4.062.960.000
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(208.653.252)	-	(1.033.340.406)	(1.241.993.658)
Số cuối năm	11.420.461.073	5.385.622.140	68.437.168.648	85.243.251.861
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	7.615.920.306	851.831.960	29.197.297.015	37.665.049.281
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	7.921.426.904	2.245.380.242	36.814.235.851	46.981.042.997
Khấu hao trong năm	838.508.970	481.773.416	8.925.648.248	10.245.930.634
Thanh lý, nhượng bán	(141.660.704)	-	(885.099.196)	(1.026.759.900)
Số cuối năm	8.618.275.170	2.727.153.658	44.854.784.903	56.200.213.731
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.480.776.818	3.140.241.898	21.245.474.358	25.866.493.074
Số cuối năm	2.802.185.903	2.658.468.482	23.582.383.745	29.043.038.130

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	97.773.050.374
Mua trong năm	10.862.701.689
Thanh lý	(6.043.146.812)
Số cuối năm	102.592.605.251
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	71.555.115.452
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	80.473.243.942
Hao mòn trong năm	7.762.984.105
Thanh lý	(6.043.146.812)
Số cuối năm	82.193.081.235
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	17.299.806.432
Số cuối năm	20.399.524.016

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	4.062.960.000	1.866.373.180
Tăng trong năm	6.440.627.000	4.062.960.000
Kết chuyển sử dụng trong năm	(4.062.960.000)	(1.866.373.180)
Số cuối năm	6.440.627.000	4.062.960.000

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	25.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư vào công ty con (a)	25.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.408.604.738.166	7.030.809.065.341
Chứng khoán đầu tư dài hạn (b)	10.160.004.738.166	6.931.809.065.341
Tiền gửi ngân hàng (c)	248.600.000.000	99.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	25.500.000.000
Đầu tư vào quỹ đầu tư cổ phiếu	-	25.500.000.000
	10.433.604.738.166	7.081.309.065.341

(a) Đây là khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam do Công ty sở hữu toàn bộ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu với chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Mệnh giá	Giá trị sổ sách	Mệnh giá	Giá trị sổ sách
Trái phiếu Chính phủ	6.946.460.900.000	7.094.782.785.381	4.999.560.900.000	5.016.706.518.797
Trái phiếu do Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) phát hành	850.000.000.000	850.000.145.470	350.000.000.000	350.000.155.988
Trái phiếu do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương (VCB) phát hành	800.000.000.000	800.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu do Tập đoàn hàng tiêu dùng Masan (MCH) phát hành	499.000.000.000	498.238.096.896	499.000.000.000	498.128.178.055
Trái phiếu do Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đô Thị Thành Phố Hồ Chí Minh (HIFU) phát hành	312.000.000.000	312.000.000.000	312.000.000.000	312.000.000.000
Trái phiếu do Tập đoàn Vingroup phát hành (VIC)	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành	250.000.000.000	249.983.710.419	300.000.000.000	299.974.212.501
Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (VBARD) phát hành	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
	10.012.460.900.000	10.160.004.738.166	6.915.560.900.000	6.931.809.065.341

(c) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm với lãi suất từ 6,8% đến 11,5%/năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	272.571.775.564	189.371.413.717
Tăng trong năm (*)	1.853.160.595.741	125.294.161.417
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(88.197.630.934)	(42.093.799.570)
Giảm khác	(503.173.398)	-
Số cuối năm	2.037.031.566.973	272.571.775.564

(*) Tăng trong năm chủ yếu từ việc chi trả các khoản hỗ trợ ban đầu cho kênh phân phối qua ngân hàng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	1.231.626.964.320	656.230.385.917
Thù lao phải trả đại lý	635.988.370.864	368.976.804.415
Bồi thường và trả tiền bảo hiểm	222.200.617.731	129.807.644.870
Thù lao phải trả cho các kênh phân phối khác	286.091.655.341	115.589.995.036
Phải trả cho hoạt động tái bảo hiểm	56.177.279.794	22.441.469.928
Hoàn phí	16.798.601.462	6.563.829.900
Cổ tức	618.469.000	909.172.200
Các khoản phải trả khác	13.751.970.128	11.941.469.568
Phải trả khác cho người bán	104.860.435.140	83.406.906.201
Phải trả chương trình khách hàng thân thiết	63.235.793.892	41.148.031.763
Phải trả cho nhà cung cấp	41.624.641.248	42.258.874.438
Trong đó:		
Phí quản lý quỹ phải trả cho DFVN	5.313.998.852	2.998.782.324
(Thuyết minh số 28)		
1.336.487.399.460	739.637.292.118	

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	20.610.618.212	2.556.566.634	(23.225.184.846)	(58.000.000)
Thuế thu nhập cá nhân	1.540.397.414	45.980.949.435	(45.596.253.160)	1.925.093.689
Các loại thuế khác	12.886.570.386	125.527.624.169	(114.302.771.365)	24.111.423.190
	35.037.586.012	174.065.140.238	(183.124.209.371)	25.978.516.879
Phải thu	-			58.000.000
Phải trả	(35.037.586.012)			(26.036.516.879)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động (*)	193.672.755.890	140.888.913.415
Thuởng hoạt động	106.531.844.885	77.987.554.174
300.204.600.775	218.856.467.589	

(*) Chi phí hoạt động bao gồm các khoản chi phí phải trả cho các kênh phân phối bao gồm: chương trình thi đua, chi phí xây dựng mới Tổng đại lý và các chi phí quản lý doanh nghiệp như chi phí tư vấn luật, chi phí thuê văn phòng, chi phí in ấn,...

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Thay đổi dự phòng nghiệp vụ trong năm như sau:

	VND					
	Dự phòng phí chưa được hưởng (UPR)	Dự phòng toán học (*)	Dự phòng bồi thường (**)	Dự phòng chia lãi	Dự phòng đảm bảo cân đối	Tổng cộng
Số đầu năm	153.808.974.127	6.462.854.021.992	38.355.533.919	157.071.581.000	12.404.563.981	6.824.494.675.019
Trích lập dự phòng trong năm	95.737.579.735	3.177.406.688.266	35.024.219.834	9.707.411.900	-	3.317.875.899.735
Số cuối năm	249.546.553.862	9.640.260.710.258	73.379.753.753	166.778.992.900	12.404.563.981	10.142.370.574.754

(*) Chi tiết tăng giảm dự phòng toán học như sau:

	VND		
	Số đầu năm	Trích lập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng toán học sản phẩm truyền thống	4.475.065.118.540	2.079.758.755.873	6.554.823.874.413
Dự phòng toán học sản phẩm liên kết chung	1.967.684.548.802	1.067.522.241.216	3.035.206.790.018
<i>Sản phẩm liên kết chung – Lựa chọn A</i>	<i>1.509.698.964.995</i>	<i>826.142.276.360</i>	<i>2.335.841.241.355</i>
Dự phòng quỹ liên kết chung	1.485.344.594.649	735.959.821.666	2.221.304.416.315
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	23.515.103.693	13.020.635.899	36.535.739.592
Dự phòng đảm bảo khả năng thanh toán bổ sung	839.266.653	22.064.472.360	22.903.739.013
Dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng	-	55.097.346.435	55.097.346.435
<i>Sản phẩm liên kết chung - Lựa chọn B</i>	<i>457.985.583.807</i>	<i>241.379.964.856</i>	<i>699.365.548.663</i>
Dự phòng quỹ liên kết chung	452.542.733.140	219.324.292.053	671.867.025.193
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	5.188.566.482	1.504.488.925	6.693.055.407
Dự phòng đảm bảo khả năng thanh toán bổ sung	254.284.185	4.265.032.058	4.519.316.243
Dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng	-	16.286.151.820	16.286.151.820
Dự phòng toán học sản phẩm hưu trí	6.735.943.400	(32.496.100)	6.703.447.300
Dự phòng quỹ hưu trí	6.720.669.000	(25.521.900)	6.695.147.100
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	15.274.400	(6.974.200)	8.300.200
Dự phòng toán học sản phẩm liên kết đầu tư	13.368.411.250	30.158.187.277	43.526.598.527
Dự phòng quỹ liên kết đầu tư	13.008.590.350	28.077.502.030	41.086.092.380
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	359.820.900	885.513.200	1.245.334.100
Dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng	-	1.195.172.047	1.195.172.047
	6.462.854.021.992	3.177.406.688.266	9.640.260.710.258

(**) Dự phòng bồi thường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo (IBNR) với số tiền 38.335.865.633 đồng và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng chưa giải quyết với số tiền 35.043.888.120 đồng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ đã góp	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận lũy kế	VND Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	1.477.650.287.380	43.267.859.242	628.080.612.047	2.148.998.758.669
Giảm (*)	-	-	(9.750.000.000)	(9.750.000.000)
Vốn góp thêm trong năm	675.535.000.000	-	-	675.535.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	100.420.253.301	100.420.253.301
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	5.021.012.665	(5.021.012.665)	-
Số cuối năm	2.153.185.287.380	48.288.871.907	713.729.852.683	2.915.204.011.970
Năm nay				
Số đầu năm	2.153.185.287.380	48.288.871.907	713.729.852.683	2.915.204.011.970
Vốn góp thêm trong năm(**)	3.254.325.000.000	-	-	3.254.325.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(421.767.620.310)	(421.767.620.310)
Số cuối năm	5.407.510.287.380	48.288.871.907	291.962.232.373	5.747.761.391.660

(*) Giảm lợi nhuận lũy kế trong năm 2016 giảm là phần trích lập nộp Quỹ Trách nhiệm Xã hội Dai-ichi Life Việt Nam.

(**) Theo Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC28/KDBH cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017 cấp bởi Bộ Tài Chính.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

18. PHÍ BẢO HIỂM GỐC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm liên kết chung	3.920.909.675.290	2.273.666.161.512
Bảo hiểm hỗn hợp	2.644.318.605.300	2.153.550.713.300
Bảo hiểm hỗ trợ	1.344.976.620.400	806.392.031.100
Bảo hiểm liên kết đầu tư	105.933.754.700	51.371.265.100
Bảo hiểm tử kỳ	29.542.751.333	7.714.885.963
Bảo hiểm sinh kỳ	5.368.989.100	6.498.171.000
Bảo hiểm hưu trí tự nguyện	1.544.708.400	2.711.308.300
	8.052.595.104.523	5.301.904.536.275
Giảm trừ phí bảo hiểm	(19.965.095)	(49.239.989)
Phí bảo hiểm gốc	8.052.575.139.428	5.301.855.296.286

19. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm hỗ trợ	305.379.959.438	64.650.981.955
Bảo hiểm liên kết chung	62.575.015.305	25.923.747.290
Bảo hiểm hỗn hợp	3.852.206.644	2.352.504.684
Bảo hiểm liên kết đầu tư	2.891.031.318	1.013.642.151
Bảo hiểm tử kỳ	3.210.579.912	680.311.370
	377.908.792.617	94.621.187.450

20. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	835.067.985.916	585.026.337.513
Chi trả đáo hạn	331.583.688.400	302.997.866.450
Chi bồi thường	362.220.946.296	169.895.503.567
Chi trả giá trị giải ước	140.771.300.520	111.555.067.896
Chi khác	492.050.700	577.899.600
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(110.278.354.377)	(27.224.446.302)
Thay đổi dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm		
(Thuyết minh số 16)	3.222.138.320.000	1.895.721.564.312
Dự phòng toán học	3.177.406.688.266	1.860.371.800.248
Dự phòng bồi thường	35.024.219.834	15.626.147.761
Dự phòng chia lãi	9.707.411.900	18.455.929.850
Dự phòng đảm bảo cân đối	-	1.267.686.453
	3.946.927.951.539	2.453.523.455.523

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

21. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Khen thưởng phụ trội	1.672.175.760.494	948.846.549.144
Chi phí giám định giải quyết quyền lợi bảo hiểm	55.869.063.241	29.241.888.200
Quỹ bảo vệ quyền lợi người được bảo hiểm	15.388.905.000	10.906.784.000
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	203.568.511	140.574.339
	1.743.637.297.246	989.135.795.683

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư trái phiếu	687.559.418.871	510.436.972.822
Lãi tiền gửi ngân hàng	106.480.083.719	74.241.687.975
Lãi tạm ứng giá trị giải ước và vay phi tự động	36.315.464.900	31.306.252.600
Thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư		
chứng khoán của quỹ bảo hiểm liên kết đơn vị	26.343.652.130	2.418.300.747
Lãi từ mua bán chứng khoán	14.820.014.092	82.592.796.868
Lãi từ hoạt động đầu tư vào quỹ thành viên	11.236.576.314	-
Phân bổ chiết khấu trái phiếu	3.803.744.629	5.110.756.446
Thu nhập từ cổ tức	2.096.833.509	2.671.289.000
Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.138.141.663	188.083.199
	890.793.929.827	708.966.139.657

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phân bổ phụ trội trái phiếu	8.089.449.850	6.698.574.734
Lỗ từ mua bán trái phiếu, chứng khoán	3.878.831.170	4.697.424.920
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	2.434.332.565	1.790.857.137
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.069.836.725)
	14.402.613.585	12.117.020.066

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của đại lý và các ban nhóm kinh doanh	890.892.127.259	544.044.429.570
Chi khen thưởng	454.211.701.367	328.346.262.745
Chi hỗ trợ đại lý	98.370.889.057	69.692.964.993
Chi phí tuyển dụng và đào tạo	72.519.373.090	59.836.610.668
Công tác phí	30.427.634.185	24.714.697.535
Chương trình khách hàng thân thiết	33.961.787.844	23.508.543.517
Chi phí nhân viên	19.883.181.680	13.567.925.989
Chi phí dịch vụ mua thuê ngoài	12.669.652.739	11.541.166.174
Vật liệu, văn phòng phẩm	6.465.020.309	8.936.287.362
Chi phí công cụ dụng cụ cho đại lý	13.865.246.436	6.967.374.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.214.846.563	381.747.553
Chi phí khác cho đại lý	10.035.644.788	23.502.257.108
	1.644.517.105.317	1.115.040.268.058

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí theo lương	158.197.563.494	122.296.290.703
Chi phí dịch vụ mua thuê ngoài	106.927.476.671	88.495.234.854
Vật liệu, văn phòng phẩm	41.092.140.725	28.028.660.655
Chi phí quản lý danh mục đầu tư cho DFVN (Thuyết minh số 28)	29.409.389.268	21.337.415.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.794.068.176	20.990.189.967
Công tác phí	17.926.114.495	17.100.815.409
Chi phí khánh tiết, hội nghị	13.239.552.029	10.557.544.799
Chi phí bảo hiểm xã hội bắt buộc	13.083.670.020	10.266.636.210
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.734.190.547	9.421.049.356
Chi phí tuyển dụng và đào tạo	4.939.243.536	2.451.312.177
Thuế và phí	431.178.668	4.000.000
Chi phí khác	8.179.581.265	11.105.185.637
	422.954.168.894	342.054.335.562

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.235.083.247	4.154.647.086
Thu thanh lý tài sản	629.305.744	864.196.333
Thu nhập khác	4.605.777.503	3.290.450.753
	(967.423.866)	(569.215.566)
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	(215.233.758)	(99.193.038)
Chi phí khác	(752.190.108)	(470.022.528)
	4.267.659.381	3.585.431.520
Lợi nhuận khác		

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.556.566.634	40.106.785.216
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(111.827.343.278)	(15.026.079.637)
	<u>(109.270.776.644)</u>	<u>25.080.705.579</u>

27.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(531.038.396.954)	125.500.958.880
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2016: 20%)	(106.207.679.390)	25.100.191.776
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí trích trước	9.561.901.095	15.136.288.936
Chi phí không được khấu trừ	266.799.020	517.540.512
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(91.765.077)	(76.499.050)
Lỗ do đánh giá lại tỷ giá hối đoái cuối kỳ	(23.381.165)	(33.710.249)
Các khoản phạt	138.560.013	1.064.087
Cổ tức được chia không chịu thuế TNDN	(419.366.702)	(534.257.800)
Lỗ chuyển sang	96.774.932.206	-
Chi phí thuế TNDN	-	40.110.618.212
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	2.556.566.634 (*)	(3.832.996)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	<u>2.556.566.634</u>	<u>40.106.785.216</u>

(*) Theo Quyết định số 4868/QĐ-CT ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên kết quả Thanh tra Thuế cho giai đoạn từ 2009 đến 2012 và Quyết định số 2397/BTC-QLBH ngày 23 tháng 2 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả kinh doanh riêng</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	35.664.526.978	20.543.453.881	15.121.073.097	15.136.288.936
Trợ cấp thôi việc	1.024.200.791	1.115.965.867	(91.765.076)	(76.499.050)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(139.057)	(23.242.108)	23.103.051	(33.710.249)
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	96.774.932.206	-	96.774.932.206	-
	133.463.520.918	21.636.177.640	111.827.343.278	15.026.079.637
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			111.827.343.278	15.026.079.637

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 483.874.661.030 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Dai-ichi Life Holdings, Inc	Công ty mẹ	Góp vốn	3.254.325.000.000	675.535.000.000
		Chi phí đã trả thay	1.282.924.151	532.826.027
		Chi phí đã thu được	(1.348.100.256)	(443.433.279)
		Chi phí đã ghi nhận năm 2017	8.261.535.019	2.323.007.592
		Phí tư vấn và quản lý	8.502.793.084	4.632.019.445
		Thuế nhà thầu dịch vụ tư vấn	829.358.448	(451.595.683)
Công ty TNHH BHNT Dai-ichi (DLJ)	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí đã trả thay	9.926.982.119	9.663.987.615
		Chi phí đã thu được	(9.774.117.496)	(9.740.152.405)
DLI Asia Pacific PTE. LTD.	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí đã trả thay	267.954.853	136.159.370
		Chi phí đã thu được	(401.956.344)	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN)	Công ty con	Chi phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 25)	29.409.389.268	21.337.415.795

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Dai-ichi Life Holdings, Inc.	Công ty mẹ	Chi phí đã trả thay	24.216.643	89.392.748
		Phí tư vấn	-	(3.271.950)
Công ty TNHH BHNT Dai-ichi (DLJ)	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí đã trả thay	346.768.463	193.903.840
DLI Asia Pacific PTE. LTD	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí đã trả thay	2.157.879	136.159.370
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN)	Công ty con	Chi phí quản lý quỹ (Thuyết minh số 13)	(5.313.998.852)	(2.998.782.324)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến một (1) năm	43.924.546.887	26.465.170.092
Từ một (1) đến năm (5) năm	101.192.292.708	17.583.356.649
Trên năm (5) năm	126.000.000	130.000.000
	145.242.839.395	44.178.526.741

30. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

30.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ chủ sở hữu của Công ty trước các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Thành viên và Ban Điều hành nhận tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một khung chính sách quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Ban Điều hành. Khung chính sách này đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

30.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến sinh mạng, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bởi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Công ty sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích xác suất.

Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Rủi ro chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và các con số thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể diễn ra trong thời gian một năm bất kỳ có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông dụng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

30.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của chủ sở hữu với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty và yêu cầu Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh áp dụng cho Công ty được quy định trong Thông tư 50 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ vốn an toàn của Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Công ty (triệu VND)</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.646.517	1.899.619	187%
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.445.732	1.165.075	210%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các công ty kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

30.4 Quản lý tài sản nợ/có

Quản lý tài sản nợ-có là yếu tố quan trọng trong quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM). Trong đó, Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) xem xét tất cả nguồn gốc rủi ro đối với một định chế tài chính, quản lý tài sản nợ có là tiến hành quản lý một doanh nghiệp để điều phối các quyết định và hành động đối với tài sản có và nợ. Quản lý tài sản nợ-có có thể được định nghĩa như sau: "Quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát và rà soát chiến lược liên quan đến tài sản có và nợ để đạt được mục tiêu tài chính của Công ty, nằm trong khả năng chấp nhận rủi ro và các khó khăn".

Quản lý tài sản nợ-có liên quan trọng yếu đến khả năng quản lý tài chính thích hợp của Công ty để đáp ứng nhu cầu trong tương lai về dòng tiền và các yêu cầu về vốn.

Đó là việc phân tích dòng tiền và đối chiếu thời gian đáo hạn của các tài sản nợ và có. Các phân tích dòng tiền nhằm cung cấp thông tin về trạng thái tiền mặt của Công ty trong tương lai.

Thời hạn của tài sản nợ được tính toán bằng bình quân thời gian của dòng tiền trong tương lai mà không tính đến lợi nhuận đầu tư.

Ủy ban Đầu tư của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra và kiểm soát chiến lược đầu tư nhằm quản lý các tài sản đầu tư dựa trên khả năng thanh khoản của Công ty.

Công ty chủ động quản lý tài sản của mình bằng cách sử dụng phương pháp xem xét chất lượng tài sản/tín dụng, đa dạng hóa, phù hợp giữa tài sản nợ và có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư. Mục tiêu của quá trình đầu tư là đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư với mức độ biến động tối thiểu.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

30.4 Quản lý tài sản nợ/có (tiếp theo)

Công ty thiết lập danh mục tài sản mục tiêu cho từng nhóm sản phẩm bảo hiểm chính (Quy chủ hợp đồng) theo yêu cầu quản lý riêng. Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản dựa trên năng lực, thời gian, độ nhạy cảm, rủi ro thị trường, tính biến động, tính thanh khoản, mức độ tập trung tài sản và chất lượng tín dụng. Các ước tính và giả thiết được sử dụng trong việc xác định số tiền và thời hạn thanh toán cho chủ hợp đồng bảo hiểm một cách thường xuyên được đánh giá lại. Đa số những ước tính và giả thiết đề ra luôn có yếu tố chủ quan và do đó có thể tác động đến khả năng và mục tiêu quản lý tài sản có/nợ.

30.5 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả hoạt động kinh doanh.

30.6 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, nhà tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm. Để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ.

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Công ty và cách thức Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

31.1 Rủi ro bảo hiểm

31.1.1 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước. Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), người tham gia bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi người tham gia bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi đối với quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ. Các quỹ này đưa ra mức thưởng hàng năm tùy chọn dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và dưới dạng phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

31.1.1 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm truyền thống (tiếp theo)

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

- (i) Phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty;
- (ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;
- (iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu;
- (iv) Theo quy định về phân chia lợi nhuận của Bộ Tài chính (Thông tư 50).

Quản lý rủi ro - Công ty được chủ động trong việc quyết định mức thưởng công bố theo hợp đồng. Trên thực tế, Công ty sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức thưởng. Mục đích của Công ty là duy trì tỷ lệ lãi chia đều đặn dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro từ vong được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm.

31.1.2 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Công ty cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung. Công ty hiện đang cung cấp sản phẩm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và các sản phẩm hỗ trợ với thời hạn hợp đồng lên đến 25 năm.

Sản phẩm liên kết chung cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Lãi suất cho sản phẩm này không thấp hơn mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, yêu cầu giải ước và khi hợp đồng đáo hạn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Công ty sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

31.1.3 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

Các đặc tính của sản phẩm - Công ty cung cấp sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị trong đó có cả yếu tố bảo hiểm trọn đời và đầu tư vào các quỹ theo nhiều lựa chọn.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị phi định kỳ là sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị trọn đời đơn giản, trong đó khoản đầu tư không được đảm bảo. Người mua bảo hiểm có thể chọn để đầu tư vào 3 dạng quỹ khác nhau để hưởng chênh lệch. Đây là dạng sản phẩm tính phí từ đầu với phí đơn giản và rõ ràng có các loại phí đóng bao gồm: phí quản lý hợp đồng, phí quản lý quỹ, phí bảo hiểm rủi ro và các loại phí hoạt động khác.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết phi đơn kỳ có các đặc tính giống với phiên bản đóng phí định kỳ. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt là giá trị quỹ được cam kết sẽ đạt ít nhất giá trị của khoản phí đóng ban đầu từ năm hợp đồng thứ 8 trở đi.

31.1.4 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm - Công ty cung cấp sản phẩm bảo hiểm hưu trí với cả yếu tố bảo vệ và quyền lợi hưu trí từ quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện.

Sản phẩm bảo hiểm hưu trí cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong (là số lớn hơn giữa số tiền bảo hiểm và giá trị tài khoản) đến tuổi nghỉ hưu; sau đó sẽ được nhận quyền lợi hưu trí định kỳ. Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu cho sản phẩm này là 5% cho từ năm thứ nhất đến năm thứ mười và 3% cho các năm tiếp theo dựa trên giá trị tài khoản.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ bảo hiểm Hưu trí Tự nguyện của công ty bảo hiểm nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

31.1.5 Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định

Quy trình xây dựng các giả định là nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tốt nhất có đo lường đến các biến động hợp lý trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo tính hợp lý giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai. Các giả định được xem xét bao gồm giả định về xác suất xảy ra tổn thất và lãi suất đầu tư.

Phương pháp dự phòng cho từng loại sản phẩm được diễn giải chi tiết ở mục 3.12.

Các giả định

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn:

(i) *Bảng tỷ lệ tử vong*

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 có điều chỉnh đang được sử dụng.

(ii) *Bảng phân loại bệnh tật*

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được cung cấp bởi các nhà tái bảo hiểm với kinh nghiệm từ những thị trường tương đương.

(iii) *Lãi suất*

Công ty sử dụng cùng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống được phê duyệt bởi Bộ Tài chính. Lãi suất này có thể được điều chỉnh trong tình huống lãi suất trái phiếu biến động bất lợi, nhưng chỉ sau khi được sự phê duyệt của Bộ Tài chính.

31.2 Rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Công ty. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Từng nhóm rủi ro này sẽ được mô tả ở dưới đây, cùng với tóm tắt về những chính sách của Công ty để quản lý những rủi ro này.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi giá trị hợp lý của công cụ tài chính do những biến động của lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá trao đổi ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Mức độ ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến Công ty được tập trung vào danh mục đầu tư của Công ty. Các công cụ có kỳ hạn cố định chiếm phần lớn trong tổng danh mục đầu tư, được quản lý theo nguyên tắc cân đối với việc thanh toán các nghĩa vụ như đã dự tính. Công ty theo dõi rủi ro này thông qua việc xem xét định kỳ trạng thái tài sản và nghĩa vụ. Những ước tính về dòng tiền, cũng như ảnh hưởng của biến động lãi suất đến danh mục đầu tư và các quỹ dự phòng bảo hiểm, đều được thiết lập mô hình và được xem xét thường xuyên. Mục tiêu tổng thể của chiến lược đầu tư này là để hạn chế sự chênh lệch giữa giá trị của tài sản và công nợ do sự thay đổi về lãi suất.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng cấu phần không đảm bảo.

Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện và sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, rủi ro lãi suất có thể được giảm thiểu thông qua việc rà soát lãi suất tín dụng phù hợp với kết quả thực tế và dự đoán của danh mục, phụ thuộc vào mức cam kết tối thiểu.

Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Ủy ban Đầu tư của Công ty xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Tất cả các tài sản bằng ngoại tệ đều là đô la Mỹ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.2 Rủi ro tín dụng

Danh mục đầu tư vào công cụ có kỳ hạn cố định của Công ty (bao gồm cả các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại) là đối tượng của rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khả năng tiềm tàng có thể xảy ra lỗ trên giá thị trường do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi. Mục tiêu của Công ty là đạt được lợi nhuận có tính cạnh tranh tương đối bằng cách đầu tư vào một danh mục đa dạng. Ban Điều hành đã ban hành một chính sách tín dụng, trong đó các mức giới hạn được đặt ra để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Công ty còn có những khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, cho vay và những khoản phải thu khác cũng phải chịu rủi ro tín dụng, trong đó đặc biệt là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc tái bảo hiểm trong việc lựa chọn công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cần nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

				VND
	Chưa đáo hạn	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.068.658.099.233	-	-	2.068.658.099.233
Các khoản đầu tư ngắn hạn	1.706.997.592.784	-	-	1.706.997.592.784
Phải thu của khách hàng	1.001.184.639.967	-	-	1.001.184.639.967
Phải thu khác (*)	18.333.986.778	-	1.493.190.065	19.827.176.843
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.408.604.738.166	-	-	10.408.604.738.166
Các khoản đầu tư dài hạn khác (*)	-	-	-	-
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	16.639.213.700	-	-	16.639.213.700
	15.240.418.270.628	-	1.493.190.065	15.241.911.460.693

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

				VND
	<i>Chưa đáo hạn</i>	<i>Quá hạn nhưng không giảm giá trị</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.808.956.894.984	-	-	1.808.956.894.984
Các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	841.701.835.103	-	-	841.701.835.103
Phải thu khách hàng	597.162.285.429	-	-	597.162.285.429
Phải thu khác (*)	18.437.396.530	-	1.322.072.889	19.759.469.419
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.030.809.065.341	-	-	7.030.809.065.341
Các khoản đầu tư dài hạn khác	25.500.000.000	-	-	25.500.000.000
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	12.465.393.182	-	-	12.465.393.182
	10.355.032.870.569	-	1.322.072.889	10.356.354.943.458

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa đáo hạn: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Công ty và việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với những hợp đồng được phép chấm dứt trước thời hạn. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này và đưa ra các khoản phạt vì chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và các điều khoản điều chỉnh thị trường để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền mặt ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính phái sinh và không phái sinh (trên cơ sở không chiết khấu) và đánh giá thời hạn dòng tiền phải trả theo hợp đồng bảo hiểm (trên cơ sở chiết khấu) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

		Dưới 1 năm	Từ 1 đến 3 năm	Từ 3 đến 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.068.658.099.233	-	-	-	-	2.068.658.099.233
Các khoản đầu tư ngắn hạn	1.802.091.150.034	-	-	-	-	1.802.091.150.034
Phải thu khách hàng	1.001.184.639.967	-	-	-	-	1.001.184.639.967
Phải thu khác (*)	19.827.176.843	-	-	-	-	19.827.176.843
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	953.605.521.544	6.447.688.575.595	3.007.310.641.027	-	10.408.604.738.166
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	-	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	11.504.305.700	5.134.908.000	-	-	16.639.213.700
	4.891.761.066.077	965.109.827.244	6.452.823.483.595	3.052.310.641.027	15.362.005.017.943	
Nợ phải trả						
Phải trả người bán	1.336.487.399.460	-	-	-	-	1.336.487.399.460
Chi phí phải trả	193.672.755.890	-	-	-	-	193.672.755.890
Dự phòng nghiệp vụ	524.241.821.852	803.092.511.143	5.441.454.985.193	3.373.581.256.566	-	10.142.370.574.754
Các khoản phải trả khác	28.521.393.469	-	-	-	-	28.521.393.469
	2.082.923.370.671	803.092.511.143	5.441.454.985.193	3.373.581.256.566	11.701.052.123.573	
Thanh khoản ròng	2.808.837.695.406	162.017.316.101	1.011.368.498.402	(321.270.615.539)	3.660.952.894.370	

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

					VND
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 3 năm	Từ 3 đến 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.808.956.894.984	-	-	-	1.808.956.894.984
Các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	896.238.302.153	-	-	-	896.238.302.153
Phải thu khách hàng	597.162.285.429	-	-	-	597.162.285.429
Phải thu khác (*)	19.759.469.419	-	-	-	19.759.469.419
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	810.028.492.944	5.393.623.337.201	827.157.235.196	7.030.809.065.341
Chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-	-	25.500.000.000	25.500.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	-	12.068.393.182	397.000.000	-	12.465.393.182
Các khoản phải thu dài hạn khác	3.322.116.951.985	822.096.886.126	5.394.020.337.201	897.657.235.196	10.435.891.410.508
Nợ phải trả					
Phải trả người bán	739.637.292.118	-	-	-	739.637.292.118
Chi phí phải trả	140.888.913.415	-	-	-	140.888.913.415
Dự phòng nghiệp vụ	217.304.656.919	30.512.144.000	241.133.543.119	6.335.544.330.981	6.824.494.675.019
Các khoản phải trả khác	14.193.412.801	-	-	-	14.193.412.801
	1.112.024.275.253	30.512.144.000	241.133.543.119	6.335.544.330.981	7.719.214.293.353
Thanh khoản ròng	2.210.092.676.732	791.584.742.126	5.152.886.794.082	(5.437.887.095.785)	2.716.677.117.155

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Bảng trên cho thấy Công ty có trạng thái thanh khoản ổn định dưới hình thức tiền và các khoản tương đương tiền (đầu tư ngắn hạn) để thanh toán cho các khoản chi hoạt động bảo hiểm và hạn chế các ảnh hưởng của sự biến động dòng tiền.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
Tài sản tài chính							
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh							
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	70.436.188.831	24.657.368.419	51.525.980.365	3.010.486.685	95.093.557.250	54.536.467.050	
Tài sản sẵn sàng để bán							
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	8.554.101.830.335	6.378.053.682	5.786.548.892.294	1.681.283.286	8.560.479.884.017	5.788.230.175.580	
<i>Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết</i>	1.953.221.807.315	-	1.253.102.390.556	-	1.953.221.807.315	1.253.102.390.556	
<i>Tiền gửi dài hạn</i>	248.600.000.000	-	99.000.000.000	-	248.600.000.000	99.000.000.000	
<i>Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết</i>	-	-	-	-	-	-	
Cho vay và phải thu							
<i>Phải thu khách hàng</i>	414.996.976.138	-	228.682.561.948	-	414.996.976.138	228.682.561.948	
<i>Tạm ứng từ giá trị giải ước</i>	307.320.639.618	-	251.401.334.308	-	307.320.639.618	251.401.334.308	
<i>Phải thu khác</i>	622.654.054.372	(863.445.394)	400.704.586.082	(671.351.665)	621.790.608.978	400.033.234.417	
<i>Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc</i>	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	
<i>Tiền gửi ngắn hạn</i>	1.045.980.000.000	-	480.777.000.000	-	1.045.980.000.000	480.777.000.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.068.658.099.233	-	1.808.956.894.984	-	2.068.658.099.233	1.808.956.894.984	
	15.305.969.595.842	30.171.976.707	10.380.699.640.537	4.020.418.306	15.336.141.572.549	10.384.720.058.843	

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VND

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ phải trả tài chính theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	1.336.487.399.460	739.637.292.118	1.336.487.399.460	739.637.292.118
Chi phí phải trả	193.672.755.890	140.888.913.415	193.672.755.890	140.888.913.415
Dự phòng nghiệp vụ	10.142.370.574.754	6.824.494.675.019	10.142.370.574.754	6.824.494.675.019
Các khoản phải trả khác	28.521.393.469	14.193.412.801	28.521.393.469	14.193.412.801
	11.701.052.123.573	7.719.214.293.353	11.701.052.123.573	7.719.214.293.353

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.
- ▶ Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

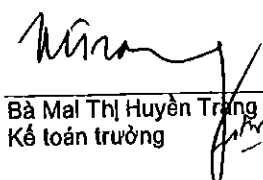
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

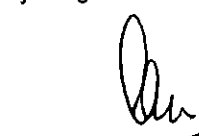
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Bà Mai Thị Huyền Trang
Kế toán trưởng


Ông Vũ Hoàng Tân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Ngày 29 tháng 3 năm 2018